

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỶ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, như sau:

1. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được phép kéo dài thực hiện điều chỉnh là 730 triệu đồng. Cụ thể:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn cấp huyện (08 huyện, thành phố): 730 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cấp tỉnh: 730 triệu đồng, trong đó:

- Kế hoạch vốn dự phòng: 464 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn của 01 dự án khởi công mới: 266 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

2. Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được phép kéo dài phân cấp tỉnh điều hành thực hiện điều chỉnh là 8.866 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án thành phần: 8.866 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 01 dự án thành phần (06 dự án): 8.866 triệu đồng.

b) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 điều chỉnh là 6.728 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn dự phòng: 6.728 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng, phân bổ kế hoạch vốn của 02 dự án: 6.728 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 01 tháng 8 năm 2023./. ✓

Nơi nhận: ✓

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc;
- TT. Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS ✓

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022 KÉO DÀI SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			KH vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2023			Điều chỉnh				KH vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2023 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách Trung ương		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Tổng	Trong đó:			
								Giảm	Tăng	Giảm	Tăng		Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		
	TỔNG				811	787	24	708	708	22	22	811	787	24		
A	TỈNH ĐIỀU HÀNH				81	79	2	0	708	0	22	811	787	24		
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				81	79	2	0	708	0	22	811	787	24		
	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>				<i>81</i>	<i>79</i>	<i>2</i>	<i>0</i>	<i>708</i>	<i>0</i>	<i>22</i>	<i>811</i>	<i>787</i>	<i>24</i>		
-	Dự phòng chưa phân bổ				81	79	2		442		22	545	521	24	Phân bổ chi tiết sau	
-	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	9.356	9.083	273					266			266	266	0	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Dự án phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 1501/QĐ-LĐTBXH ngày 30/6/2023 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
B	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH				730	708	22	708	-	22	-	-	-	-		
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				730	708	22	708		22		0	0	0		
	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>				<i>730</i>	<i>708</i>	<i>22</i>	<i>708</i>		<i>22</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		
1	Huyện Ngân Sơn				104	101	3	101		3		0	0	0	UBND huyện Ngân Sơn	
2	Huyện Na Rì				92	89	3	89		3		0	0	0	UBND huyện Na Rì	
3	Huyện Ba Bể				121	117	4	117		4		0	0	0	UBND huyện Ba Bể	
4	Huyện Chợ Mới				78	76	2	76		2		0	0	0	UBND huyện Chợ Mới	
5	Huyện Pác Nặm				110	107	3	107		3		0	0	0	UBND huyện Pác Nặm	
6	Huyện Chợ Đồn				89	86	3	86		3		0	0	0	UBND huyện Chợ Đồn	
7	Huyện Bạch Thông				72	70	2	70		2		0	0	0	UBND huyện Bạch Thông	
8	Thành phố Bắc Kạn				64	62	2	62		2		0	0	0	UBND thành phố Bắc Kạn	

Biểu số 02
PHÂN BỐ, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO ĐÀN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023 VÀ NĂM 2022 KÈO DÀI SANG NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	QĐ đầu tư dự án			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			KH vốn năm 2022 chưa phân bổ chi tiết được kéo dài sang năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao			Điều chỉnh				Kế hoạch vốn sau điều chỉnh				Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện						
		Số QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023								
			Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Nguồn vốn ngân sách Trung ương		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Nguồn vốn ngân sách Trung ương		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Tổng	Trong đó:							
				Nguồn vốn ngân sách Trung ương			Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)			Nguồn vốn ngân sách Trung ương		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		Tăng		Giảm	Tăng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
TỔNG					124.460	111.820	12.640	8.866	8.404	462	39.718	37.669	2.049	8.404	8.404	462	462	6.298	6.298	430	430	8.866	8.404	462	37.778	35.729	2.049	
TỈNH ĐIỀU HÀNH					124.460	111.820	12.640	8.866	8.404	462	39.718	37.669	2.049	8.404	8.404	462	462	6.298	6.298	430	430	8.866	8.404	462	37.778	35.729	2.049	
I	DỰ ÁN 3 - PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG THỂ MẠNH CÁC VÙNG MIỀN ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ				36.058	34.340	1.718	6.490	6.181	309	8.733	8.286	447	6.181	0	309	0	0	0	0	0	0	0	0	8.733	8.286	447	
1	Dự phòng chưa phân bổ							6.490	6.181	309	8.733	8.286	447	6.181		309					0	0	0	8.733	8.286	447		
II	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐÔNG BẢO ĐTT&MN				81.797	71.189	10.608	0	0	0	18.248	17.298	950	0	8.404	0	462	6.298	6.298	430	430	8.866	8.404	462	18.248	17.298	950	
	<i>Nội dung 4: Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)</i>	81.797	71.189	10.608	81.797	71.189	10.608	0	0	0	18.248	17.298	950	0	8.404	0	462	6.298	6.298	430	430	8.866	8.404	462	18.248	17.298	950	
1	Đường Nông Hạ - Khe Thi: DH.75	1873/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	14.686	12.771	1.915	14.686	12.771	1.915				3.050	2.900	150		2.630		150			2.780	2.630	150	3.050	2.900	150	Ban QLDA BTXD CTGT	
2	Đường Bình Trung-Trung Minh (Tuyên Quang)	1845/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 (CV 6502/UBND-GTCNXD ngày 3/10/2022)	10.506	9.136	1.370	10.506	9.136	1.370				2.310	2.200	110		1.660		100			1.760	1.660	100	2.310	2.200	110	Ban QLDA BTXD CTGT	
3	Đường từ trung tâm xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn đến xã Thành Công, huyện Nguyên Bình	1758/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	7.025	6.109	916	7.025	6.109	916				1.895	1.800	95		620		30			650	620	30	1.895	1.800	95	Ban QLDA BTXD CTGT	
4	Đường liên thôn Phiêng Gián (xã Phúc Lộc) - Lũng Pjầu (Yến Dương)	2199/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	5.193	4.576	617	5.193	4.576	617				1.265	1.200	65		625		35			660	625	35	1.265	1.200	65	Ban QLDA BTXD CTGT	
5	Đường Nghiễn Loan - Cò Linh	1619/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	8.096	7.040	1.056	8.096	7.040	1.056				2.000	1.900	100		990		60			1.050	990	60	2.000	1.900	100	Ban QLDA BTXD CTGT	
6	Đường Yên Cư - Cao Kỳ	1066/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	24.240	21.078	3.162	24.240	21.078	3.162	0	0	0	500	500			1.879		87		3.598	230	1.966	1.879	87	4.328	4.098	230	Ban QLDA BTXD CTGT
7	Đường liên xã Quang Thuận huyện Bạch Thông - xã Mai Lạp Chợ Mới	967/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	12.051	10.479	1.572	12.051	10.479	1.572	0	0	0	500	500					2.700		200	0	0	0	3.400	3.200	200	Ban QLDA BTXD CTGT	
8	Dự phòng chưa phân bổ										6.728	6.298	430					6.298		430	0	0	0	9.208	8.637	571		
III	DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH				0	0	0	1.480	1.370	110	11.148	10.577	571	1.370	0	110	0	0	0	0	0	0	0	9.208	8.637	571		
1	Dự phòng chưa phân bổ							1.480	1.370	110	9.208	8.637	571	1.370		110					0	0	0	9.208	8.637	571		
VIII	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐÔNG BẢO ĐÀN TỘC THIỂU SỐ, KIỂM TRA GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỒN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH				6.605	6.291	314	896	853	43	1.589	1.508	81	853	0	43	0	0	0	0	0	0	0	1.589	1.508	81		
1	Dự phòng chưa phân bổ							896	853	43	1.589	1.508	81	853		43					0	0	0	1.589	1.508	81		